

Bản án số: 106/2025/HS-PT
Ngày 29 - 8 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Anh Tuấn

Ông Nguyễn Trọng Quế

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Duy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 99/2025/TLPT-HS ngày 05 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo Huỳnh Minh C và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 110/2025/HS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau).

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Huỳnh Minh C, sinh ngày 25/9/1987, tại Cà Mau; nơi cư trú: Ấp 2, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Nay là phường T, tỉnh Cà Mau); nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn M (chết) và bà Lương Thị H; vợ: Nguyễn Thị A; con: 01 người, sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không. (có mặt)

2. Họ và tên: Trần Ý D, sinh ngày 08/8/1991, tại Cà Mau; nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Nay là xã T, tỉnh Cà Mau); nghề nghiệp: Kế toán; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thanh D và bà Lương Kiều H; chồng: Mai Văn T; con: 01 người, sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: Không. (có mặt)

3. Họ và tên: Nguyễn Thị K, sinh ngày 16/02/1994, tại Cà Mau; nơi cư trú: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau (Nay là xã T, tỉnh Cà Mau); tạm trú: Ấp D, xã G, huyện N, tỉnh Cà Mau (Nay là xã T, tỉnh Cà Mau); nghề nghiệp: Làm móng (chăm sóc móng tay chân); trình độ học vấn: 6/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M và bà Lê

Thị A; chồng: Phạm Công D; con: 01 người, sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không. (có mặt)

- *Bị hại không kháng cáo*: Công ty cổ phần S. Địa chỉ: đường N, phường B, thành phố V, tỉnh N. Địa chỉ chi nhánh: đường 3/2, khóm 3, phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Nay là đường 3/2, phường T, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo pháp luật: Ông K, chức danh: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh T, sinh năm: 1989. Địa chỉ: Ấp 10A, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau. Theo văn bản ủy quyền số 568/2024/UQ-SVN ngày 01/10/2024. (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo*:

1. Ông Mai Trung T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

2. Ông Phạm Công D, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

3. Ông Trần Xa R, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

4. Bà Nguyễn Yên N, sinh năm: 1970. Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

5. Bà Trần Hồng G, sinh năm: 1972. Địa chỉ: Ấp Tác Thủ, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

6. Ông Trần Văn X, sinh năm: 1981. Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

7. Ông Bùi Thanh T, sinh năm: 1995; Địa chỉ: Ấp N, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt).

8. Bà Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm: 1967; Địa chỉ: Khóm 4, phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

9. Bà Phạm Thị Mộng T, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Khóm 4, phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

10. Bà Trần Trúc G, sinh năm: 1980; Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

11. Bà Nguyễn Hiền A, sinh năm: 1980; Địa chỉ: Ấp P B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

12. Bà Trịnh Ngọc G, sinh năm: 1980; Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Ý D*: Bà Trần Thị H là luật sư của Trung tâm Tư vấn Pháp luật Cà Mau thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/12/2019, Công ty trách nhiệm hữu hạn S, Chi nhánh Cà Mau, nay là Công ty cổ phần S (gọi tắt là Công ty) được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh

Cà Mau cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số *****807716-051, ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ cầm đồ. Công ty hoạt động kinh doanh bằng hình thức cầm cố tài sản. Khách hàng có nhu cầu vay tiền của Công ty thì cung cấp sổ hộ khẩu gia đình, giấy chứng minh nhân dân, giấy chứng nhận đăng ký xe và xe. Sau khi khách hàng có đầy đủ giấy tờ và xe, thì nhân viên Công ty làm hồ sơ cho khách hàng vay tiền. Công ty giữ giấy chứng nhận đăng ký xe của khách hàng và cho khách hàng ký giấy mượn lại xe để sử dụng.

Từ tháng 6/2020, khi bị cáo D là nhân viên của công ty và đại diện theo ủy quyền của giám đốc chi nhánh Công ty biết Công ty làm hồ sơ cho khách hàng cầm cố xe để vay tiền có sơ hở trong việc cho khách hàng có nợ xấu ngân hàng có nhu cầu vay tiền ký giấy mượn lại xe để sử dụng, nên bị cáo D câu kết với bị cáo Huỳnh Minh C là em họ của bị cáo D, bị cáo D đưa tiền cho bị cáo C và yêu cầu bị cáo C tìm khách, yêu cầu họ cung cấp sổ hộ khẩu gia đình, giấy chứng minh nhân dân, bị cáo C hướng dẫn họ đến Công ty gặp bị cáo D ký hợp đồng cầm cố xe không để vay số tiền của Công ty 15.700.000đ (trong đó, trừ phí bảo hiểm khoản vay 785.000đ và phí giao dịch đảm bảo 150.000đ, khách hàng thực nhận 14.765.000đ). Sau đó, bị cáo D chuyển khoản số tiền 14.260.000 đồng/hợp đồng cho bị cáo C, bị cáo C thêm tiền đưa lại cho K để mua xe và đăng ký xe mang tên của khách hàng. Sau khi đăng ký xe mang tên khách hàng xong, bị cáo C mang giấy chứng nhận đăng ký xe và xe đến Công ty để bị cáo D bổ sung hồ sơ cầm cố xe, Công ty giải ngân cho khách hàng số tiền 14.765.000đ, bị cáo D lấy toàn bộ số tiền này. Sau đó, bị cáo C kêu bị cáo K bán xe, mỗi chiếc xe 14.000.000đ, bị cáo C giao tiền cho khách hàng 7.000.000đ. Số tiền còn lại, sau khi trừ các khoản chi phí (phí đăng ký xe, nộp thuế khi mua xe), bị cáo C và bị cáo K chia nhau tiêu xài.

Bảng thủ đoạn trên, từ ngày 23/6/2020 đến ngày 29/7/2020, các bị cáo D, C và K thực hiện 08 hồ sơ vay tiền chiếm đoạt 125.600.000đ. Riêng D, khi không còn là nhân viên công ty, một mình thực hiện thêm 01 hồ sơ vay tiền chiếm đoạt 15.700.000đ. Tổng số tiền chiếm đoạt của Công ty là 141.300.000đ, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Bị cáo C biết bà Trịnh Ngọc G có nhu cầu vay tiền nên ngày 23/6/2020, bị cáo C hẹn gặp bà G tại quán cà phê phường 8, thành phố C để hướng dẫn làm hồ sơ vay tiền, yêu cầu bà G cung cấp sổ hộ khẩu gia đình và giấy chứng minh nhân dân. C tiếp tục hướng dẫn bà G đến gặp bị cáo D. Bị cáo D đưa hợp đồng cầm cố xe số ****0601024NA20X, ngày 26/6/2020 (chưa ghi ngày, tháng và số biển số xe) cho bà G ký tên vào hợp đồng, vay số tiền 15.700.000đ (trong đó, trừ bảo hiểm khoản vay 785.000đ và phí giao dịch đảm bảo 150.000đ). Sau khi bà G ký hợp đồng xong, bị cáo D dùng tiền của mình chuyển khoản cho bị cáo C số tiền 14.260.000đ, bị cáo C thêm tiền đưa tiền cho bị cáo K cùng bà G đến cửa hàng xe B, phường 8, thành phố C để mua xe Wave, giá 17.500.000đ. C nhờ Phạm Công D đi đăng ký xe tên Trịnh Ngọc G, bị cáo C trả tiền xăng đi lại cho D 200.000đ. Đến ngày 26/6/2020, D lấy giấy chứng nhận đăng ký xe biển kiểm soát số 69N1-63*** và điều khiển xe đến Công ty để bị cáo D bổ sung hồ sơ cầm cố xe vay tiền. Cùng ngày, D thông báo cho C biết Công ty đã giải ngân cho

bà G số tiền 14.765.000đ và giữ lại toàn bộ, đối trừ tiền đã đưa cho C 14.260.000đ, D hưởng lợi 505.000đ, C kêu K bán xe biển kiểm soát số 69N1-63*** cho người không quen biết giá 14.000.000đ, C giao tiền cho bà G 7.000.000đ. Sau khi trừ các khoản chi phí, C và K thu lợi số tiền 2.860.000đ chia nhau tiêu xài. Thời gian vay tiền, bà G có thanh toán nợ gốc và lãi cho Công ty số tiền 2.770.000đ.

Vụ thứ hai: Bà G biết ông Nguyễn Hiền A có nhu cầu vay tiền, nên ngày 24/6/2020, bà G giới thiệu cho C gặp ông Hiền A tại quán cà phê phường 8, thành phố C, C yêu cầu ông Hiền A cung cấp sổ hộ khẩu gia đình và giấy chứng minh nhân dân. Sau đó, C hướng dẫn ông Hiền A đến gặp D là nhân viên Công ty. Tại đây, D đưa hợp đồng cầm cố xe số *****601029NA20X, ngày 29/6/2020 (khi đó chưa ghi ngày, tháng và biển số xe) cho ông Hiền A ký tên vay số tiền 15.700.000đ (trong đó, trừ bảo hiểm khoản vay 785.000đ và phí giao dịch đảm bảo 150.000đ). Sau khi ông Hiền A ký hợp đồng xong, D chuyển khoản cho C ứng tiền trước số tiền 14.260.000đ, C thêm tiền đưa cho K đến cửa hàng xe N, phường 6, thành phố C mua xe Wave, giá 18.200.000đ. C nhờ Phạm Công D đi đăng ký xe tên Nguyễn Hiền A, C trả tiền công cho D 200.000đ. Đến ngày 29/6/2020, D lấy giấy chứng nhận đăng ký xe tên Nguyễn Hiền A, biển kiểm soát số 69B1-51*** và điều khiển xe đến Công ty để D chụp ảnh bổ sung hồ sơ vay tiền. Cùng ngày, Công ty giải ngân số tiền 14.765.000đ, D giữ lại toàn bộ, đối trừ tiền đưa cho C 14.260.000đ, D hưởng lợi 505.000đ. C kêu K bán xe biển kiểm soát số 69B1-51***** cho người không quen biết giá 14.000.000đ, C giao cho ông Hiền A 7.000.000đ. Sau khi trừ các khoản chi phí, C và K thu lợi số tiền 1.660.000đ, chia nhau tiêu xài. Ông Hiền A không trả tiền vay cho Công ty.

Vụ thứ ba: C biết bà Trần Trúc G có nhu cầu vay tiền nên ngày 26/6/2020, C hẹn gặp bà G tại quán cà phê ở phường 8, thành phố C yêu cầu cung cấp sổ hộ khẩu gia đình và giấy chứng minh nhân dân. Sau đó, C hướng dẫn bà G đến Công ty gặp D. Tại đây, D đưa hợp đồng cầm cố xe số *****01002NA20X, ngày 01/7/2020, (chưa ghi ngày, tháng và biển số xe) cho bà G ký tên vay số tiền 15.700.000đ (trong đó, trừ bảo hiểm khoản vay 785.000đ và phí giao dịch đảm bảo 150.000đ). Sau khi bà G ký hợp đồng xong, D chuyển khoản cho C ứng tiền trước số tiền 14.260.000đ, C thêm tiền đưa tiền cho K đến cửa hàng xe B, phường 8, thành phố C mua xe Wave, giá 17.500.000đ. C nhờ Phạm Công D đi đăng ký xe và C trả tiền công cho D 200.000đ. Đến ngày 01/7/2020, D lấy giấy chứng nhận đăng ký xe biển kiểm soát số 69N1-63*** tên Trần Trúc G và điều khiển xe đến Công ty để D chụp ảnh bổ sung hồ sơ vay tiền. Cùng ngày, D thông báo cho C biết Công ty giải ngân cho bà G số tiền 14.765.000đ, D giữ lại toàn bộ, đối trừ tiền đưa cho C 14.260.000đ, D hưởng lợi 505.000đ. C kêu K bán xe biển kiểm soát số 69N1-63***** cho người không quen biết giá 14.000.000đ, C giao cho bà G 7.000.000đ. Sau khi trừ các khoản chi phí, C và K thu lợi số tiền 2.860.000đ, chia nhau tiêu xài. Bà G đã trả vốn và lãi số tiền 5.416.000đ.

Vụ thứ tư: K biết bà Phạm Thị Mộng T (chị chồng của K) có nhu cầu vay tiền nên ngày 25/6/2020, K yêu cầu bà T cung cấp sổ hộ khẩu gia đình, giấy

chứng minh nhân dân, K hướng dẫn bà T đến gặp D là nhân viên Công ty. Tại đây, D đưa hợp đồng cầm cố xe số ****701003NA20X, ngày 03/7/2020 (khi chưa ghi ngày, tháng và biển số xe) cho bà T ký tên vay số tiền 15.700.000đ (trong đó, trừ bảo hiểm khoản vay 785.000đ và phí giao dịch đảm bảo 150.000đ). Sau khi bà T ký hợp đồng xong, D chuyển khoản cho C ứng số tiền 14.260.000đ, C đưa tiền cho K, K thêm tiền đến cửa hàng xe N phường 6, thành phố C mua xe Wave, giá 18.200.000đ. C nhờ Phạm Công D đi đăng ký xe và C trả tiền công cho D 200.000đ. Đến ngày 03/7/2020, D lấy giấy chứng nhận đăng ký xe biển kiểm soát số 69E1-49*** tên Phạm Thị Mộng T và điều khiển xe đến Công ty để D chụp ảnh bổ sung hồ sơ vay tiền. Cùng ngày, D thông báo cho C biết Công ty đã giải ngân cho bà T số tiền 14.765.000đ, D giữ lại toàn bộ, đối trừ tiền đưa cho C 14.260.000đ, D hưởng lợi 505.000đ. Sau đó, K bán xe biển kiểm soát số 69E1-49*** cho người không quen biết giá 14.000.000đ. Sau khi trừ các khoản chi phí, C và K giao hết tiền cho bà T, không hưởng lợi vì bà T là chị chồng của K. Bà T không trả nợ cho Công ty.

Vụ thứ năm: K biết bà Nguyễn Ngọc Đ có nhu cầu vay tiền nên ngày 06/7/2020, K yêu cầu bà Đ cung cấp sổ hộ khẩu gia đình, giấy chứng minh nhân dân cho K. Cùng ngày, K hướng dẫn bà Đ đến gặp D là nhân viên Công ty. Tại đây, D đưa hợp đồng cầm cố xe số ****01007NA20X, ngày 08/7/2020 (khi chưa ghi ngày, tháng và biển số xe) cho bà Đ ký tên vay số tiền 15.700.000đ (trong đó, trừ bảo hiểm khoản vay 785.000đ và phí giao dịch đảm bảo 150.000đ). Sau khi bà Đ ký hợp đồng xong, D chuyển khoản cho C 14.260.000đ, C đưa tiền cho K, K thêm tiền đến cửa hàng xe B, phường 8, thành phố C mua xe Wave, giá 17.500.000đ. C nhờ Phạm Công D đi đăng ký xe và C trả tiền công cho D 200.000đ. Đến ngày 08/7/2020, D lấy giấy chứng nhận đăng ký xe biển kiểm soát số 69B1-51*** tên Nguyễn Ngọc Đ và điều khiển xe đến Công ty để D chụp ảnh bổ sung hồ sơ vay tiền. D thông báo cho C biết Công ty đã giải ngân cho bà Đ số tiền 14.765.000đ, D giữ lại toàn bộ, đối trừ tiền đưa cho C 14.260.000đ, D hưởng lợi 505.000đ. K giao cho bà Đ 7.000.000đ. Sau đó, K bán xe biển kiểm soát số 69B1-51*** cho người không quen biết giá 14.000.000đ. Sau khi trừ các khoản chi phí, C và K hưởng lợi số tiền 2.360.000đ chia nhau tiêu xài. Bà Đ trả cho Công ty số tiền 1.782.000đ.

Vụ thứ sáu: D biết ông Bùi Thanh T có nhu cầu vay tiền nên ngày 12/7/2020, D yêu cầu ông T cung cấp sổ hộ khẩu gia đình, giấy chứng minh nhân dân cho D. Tại Công ty, D đưa hợp đồng cầm cố xe số ****01016NA20X, ngày 15/7/2020 (khi chưa ghi ngày, tháng và biển số xe) cho ông T ký tên vay số tiền 15.700.000đ (trong đó, trừ bảo hiểm khoản vay 785.000đ và phí giao dịch đảm bảo 150.000đ). Sau khi ông T ký hợp đồng xong, D điện thoại cho C qua Công ty nhận sổ hộ khẩu gia đình và giấy chứng minh nhân dân của Bùi Thanh T. Sau đó, D chuyển khoản cho C số tiền 14.260.000đ, C thêm tiền rồi đưa cho K đến cửa hàng xe N phường 6, thành phố C mua xe Wave, giá 18.000.000đ. C nhờ Phạm Công D đi đăng ký xe và C trả tiền công cho D 200.000đ. Đến ngày 17/7/2020, D lấy giấy chứng nhận đăng ký xe biển kiểm soát số 94D1-51*** tên Bùi Thanh T và điều khiển xe đến Công ty để D chụp

ảnh bổ sung hồ sơ vay tiền. D thông báo cho C biết Công ty đã giải ngân cho ông T số tiền 14.765.000đ, D giữ lại toàn bộ, đối trừ tiền đưa cho C 14.260.000đ, D hưởng lợi 505.000đ. C giao cho ông T 7.000.000đ. Sau đó, K bán xe biển kiểm soát số 94D1-51*** cho người không quen biết giá 14.000.000đ. Sau khi trừ các khoản chi phí, C và K hưởng lợi số tiền 1.860.000đ chia nhau tiêu xài. Ông T không nợ cho Công ty.

Vụ thứ bảy, ông Trần Văn X có nhu cầu vay tiền nên ngày 16/7/2020, Ông X điện thoại gặp tên Trường (không rõ họ tên địa chỉ cụ thể ở đâu) và cung cấp sổ hộ khẩu gia đình, giấy chứng minh nhân dân cho Trường để vay tiền. Sau đó, Trường đưa sổ hộ khẩu gia đình, giấy chứng minh nhân dân cho D. D kêu Ông X đến Công ty. Tại đây, D đưa hợp đồng cầm cố xe số ****1026NA20X (chưa ghi ngày, tháng và biển số xe) cho Ông X ký tên vay số tiền 15.700.000đ (trong đó, trừ bảo hiểm khoản vay 785.000đ và phí giao dịch đảm bảo 150.000đ). Sau đó, D chuyển khoản cho C tạm ứng tiền trước số tiền 14.260.000đ, C thêm tiền đưa tiền cho K đến cửa hàng xe Nphường 6, thành phố C mua xe Wave, giá 18.000.000đ, mang tên Trần Văn X. C nhờ Phạm Công D đi đăng ký xe và C trả tiền cho D 200.000đ. Đến ngày 22/7/2020, D lấy giấy chứng nhận đăng ký xe biển kiểm soát số 69N1-64*** tên Trần Văn X và điều khiển xe đến Công ty để D chụp ảnh bổ sung hồ sơ vay tiền. D thông báo cho C biết Công ty giải ngân cho Ông X số tiền 14.765.000 đồng, D giữ lại toàn bộ, đối trừ tiền đưa cho C 14.260.000đ, D hưởng lợi 505.000đ. C giao cho người tên T số tiền 7.500.000đ để giao cho Ông X. C kêu K bán xe biển kiểm soát số 69N1-64*** cho người không quen biết giá 14.000.000đ. Sau khi trừ các khoản chi phí, C và K hưởng lợi số tiền 1.860.000đ chia nhau tiêu xài. Ông X không trả nợ cho Công ty.

Vụ thứ tám, Tên T (không rõ họ tên địa chỉ cụ thể ở đâu) hướng dẫn bà Trần Hồng G đến Công ty để làm hồ sơ vay tiền. Ngày 22/7/2020, tại Công ty, D yêu cầu bà G cung cấp sổ hộ khẩu gia đình, giấy chứng minh nhân dân cho D. D đưa hợp đồng cầm cố xe số ****1034NA20X, ngày 29/7/2020 (khi chưa ghi ngày, tháng và biển số xe) cho bà G ký tên vay số tiền 15.700.000đ (trong đó, trừ bảo hiểm khoản vay 785.000đ và phí giao dịch đảm bảo 150.000đ). Sau đó, D chuyển khoản cho C tạm ứng số tiền 14.260.000đ, C thêm tiền đưa cho K đến cửa hàng xe N, phường 6, thành phố C mua xe Wave, giá 18.000.000đ. C nhờ Phạm Công D đi đăng ký xe và C trả tiền cho D 200.000đ. Đến ngày 29/7/2020, D lấy giấy chứng nhận đăng ký xe biển kiểm soát số 69D1-49*** tên Trần Hồng G và điều khiển xe đến Công ty để D chụp ảnh bổ sung hồ sơ vay tiền. D thông báo cho C biết Công ty giải ngân cho bà G số tiền 14.765.000đ, D giữ lại toàn bộ, đối trừ tiền đưa cho C 14.260.000đ, D hưởng lợi 505.000đ. C giao cho người tên T số tiền 7.500.000đ để giao cho bà G. K bán xe biển kiểm soát số 69D1-49*** cho người không quen biết giá 14.000.000đ. Sau khi trừ các khoản chi phí, C và K hưởng lợi số tiền 1.860.000đ chia nhau tiêu xài. Bà G không trả nợ cho Công ty.

Vụ thứ chín, Trần Xa R biết bà Nguyễn Yên N có nhu cầu vay tiền nên giới thiệu bà Nhi gặp D. Sau đó, D hẹn gặp bà N tại quán cà phê phường 5,

thành phố C, D yêu cầu bà N cung cấp sổ hộ khẩu gia đình, giấy chứng minh nhân dân cho D. Ngày 24/9/2020, D đến cửa hàng xe Thành N, phường 8, thành phố C tự lấy tiền ra mua xe Wave, giá 17.200.000đ, D đi đăng ký xe tên Nguyễn Yên N. Đến ngày 04/10/2020, D lấy giấy chứng nhận đăng ký xe biển kiểm soát số 69D1-50*** và điều khiển xe hẹn bà N đến quán cà phê S, phường 5, thành phố C, D đưa xe biển kiểm soát số 69D1-50*** và giấy đăng ký xe cho bà N đến Công ty ký hợp đồng cầm cố xe số *****1001010NA20X, ngày 04/10/2020, để vay số tiền 15.700.000đ (trong đó, trừ bảo hiểm khoản vay 785.000đ và phí giao dịch đảm bảo 150.000đ). Cùng ngày Công ty giải ngân cho bà N số tiền 14.765.000đ, bà N nhận tiền đi ra ngoài, D yêu cầu bà N giao hết tiền cho D. Sau đó, D giao lại cho bà N số tiền 7.000.000đ, đưa cho Xa R 200.000đ (tiền công giới thiệu bà N). D điều khiển xe biển kiểm soát số 69D1-50****, đến đường N, phường 9, thành phố C bán cho người tên Đ (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể ở đâu) giá 12.000.000đ. Sau khi trừ các khoản chi phí, D thu lợi số tiền 2.045.000đ. Bà N có trả cho Công ty số tiền 3.000.000đ.

- Tại kết luận định giá tài sản số 01/HĐĐGTS ngày 06/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố C, kết luận: Tại thời điểm định giá, tổng cộng 09 chiếc xe trên trị giá: 164.404.000đ.

- Tại Kết luận giám định chữ ký, chữ viết số 271/KL-KTHS ngày 15/9/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau, kết luận:

1. Chữ ký “G”, chữ viết họ tên “Trịnh Ngọc G” trên “HỢP ĐỒNG CẦM CỐ” ngày 26/6/2020; “LƯU Ý CHO KHÁCH HÀNG CẦM CỐ” ngày 26/6/2020; “PHIẾU ĐĂNG KÝ CẦM CỐ XE MÁY” ngày 26/6/2020; “GIẤY MƯỢN XE” ngày 26/6/2020 (Ký hiệu từ A1 đến A4) so với chữ ký, chữ viết trên “TỜ TỰ KHAI” ngày 28/6/2020, họ tên Trịnh Ngọc G (Ký hiệu M1) là do cùng một người ký và viết ra.

2. Chữ ký, chữ viết họ tên “Nguyễn Hiền A”, trên “HỢP ĐỒNG CẦM CỐ” ngày 29/6/2020; “LƯU Ý CHO KHÁCH HÀNG CẦM CỐ” ngày 29/6/2020; “PHIẾU ĐĂNG KÝ CẦM CỐ XE MÁY” ngày 29/6/2020; “GIẤY MƯỢN XE” ngày 29/6/2020 (Ký hiệu từ A5 đến A8) so với chữ ký, chữ viết trên “TỜ TỰ KHAI” ngày 28/5/2022, họ tên Nguyễn Hiền A (Ký hiệu M2) là do cùng một người ký và viết ra.

3. Chữ ký, chữ viết họ tên “Trần Trúc G”, trên “HỢP ĐỒNG CẦM CỐ” ngày 01/7/2020; “LƯU Ý CHO KHÁCH HÀNG CẦM CỐ” ngày 01/7/2020; “PHIẾU ĐĂNG KÝ CẦM CỐ XE MÁY” ngày 01/7/2020; “GIẤY MƯỢN XE” ngày 01/7/2020 (Ký hiệu từ A9 đến A12) so với chữ ký, chữ viết trên “TỜ TỰ KHAI” ngày 27/6/2022, họ tên Trần Trúc G (Ký hiệu M3) là do cùng một người ký và viết ra.

4. Chữ ký “Điệp”, chữ viết họ tên “Nguyễn Ngọc Đ”, trên “HỢP ĐỒNG CẦM CỐ” ngày 08/7/2020; “LƯU Ý CHO KHÁCH HÀNG CẦM CỐ” ngày 01/7/2020; “PHIẾU ĐĂNG KÝ CẦM CỐ XE MÁY” ngày 08/7/2020; “GIẤY MƯỢN XE” ngày 08/7/2020 (Ký hiệu từ A13 đến A16) so với chữ ký “Điệp”, chữ viết họ tên “Nguyễn Ngọc Đ” dưới mục “NGƯỜI KHAI” trên “BIÊN BẢN

GHI LỜI KHAI” ngày 06/5/2022 (Ký hiệu M4) là do cùng một người ký và viết ra.

5. Chữ ký “XAM”, chữ viết họ tên “TRẦN VĂN X”, trên “HỢP ĐỒNG CẦM CỐ” ngày 22/7/2020; “LƯU Ý CHO KHÁCH HÀNG CẦM CỐ” ngày 22/7/2020; “PHIẾU ĐĂNG KÝ CẦM CỐ XE MÁY” ngày 22/7/2020; “GIẤY MƯỢN XE” ngày 22/7/2020 (Ký hiệu từ A17 đến A20) so với chữ ký, chữ viết trên “TỜ TỰ KHAI” ngày 21/7/2022, họ tên Trần Văn X (Ký hiệu M5) là do cùng một người ký và viết ra.

6. Chữ ký, chữ viết họ tên “Trần Hg g”, trên “HỢP ĐỒNG CẦM CỐ” ngày 29/7/2020; “LƯU Ý CHO KHÁCH HÀNG CẦM CỐ” ngày 29/7/2020; “GIẤY MƯỢN XE” ngày 29/7/2020 (Ký hiệu từ A21 đến A23) so với chữ ký, chữ viết trên “TỜ TỰ KHAI” ngày 30/5/2022, họ tên Trần Hồng G (Ký hiệu M6) là do cùng một người ký và viết ra.

7. Chữ ký, chữ viết họ tên “Nguyễn Yến N”, trên “HỢP ĐỒNG CẦM CỐ” ngày 04/10/2020; “LƯU Ý CHO KHÁCH HÀNG CẦM CỐ” ngày 04/10/2020; “PHIẾU ĐĂNG KÝ CẦM CỐ XE MÁY” ngày 04/10/2020; “GIẤY MƯỢN XE” ngày 04/10/2020 (Ký hiệu từ A24 đến A27) so với chữ ký, chữ viết trên “TỜ TỰ KHAI” ngày 31/5/2022, họ tên Nguyễn Yến N (Ký hiệu M7) là do cùng một người ký và viết ra.

Đối với ông Bùi Thanh T, thời điểm Cơ quan điều tra tiến hành lấy mẫu giám định chữ viết thì ông T bị tai nạn và hiện nay ông T không có mặt ở địa phương.

- Tại Kết luận giám định chữ ký, chữ viết số 268/KL-KTHS ngày 24/6/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau, kết luận:

Chữ viết “N, Nguyễn Yến N”, dưới mục “CHỦ XE (*Owner's full name*)” trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu từ A) so với chữ viết Trần Ý D trên tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu M) là do cùng một người viết ra.

Ngày 30/5/2022, bà Trần Hồng G giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C số tiền 7.000.000đ;

Ngày 28/6/2022, bà Nguyễn Hiền A giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C số tiền 7.000.000đ;

Ngày 15/8/2022, Nguyễn Thị K giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C số tiền 26.000.000đ;

Ngày 18/3/2023, Huỳnh Minh C giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C số tiền 47.000.000đ;

Ngày 22/6/2023, Trần Ý D giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C số tiền 12.000.000đ;

Ngày 13/8/2023, Trần Xa R giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C số tiền 200.000đ.

Tổng cộng: 99.200.000đ (*Chín mươi chín triệu hai trăm ngàn đồng*).

Ngày 22/3/2023, ngày 26/6/2023 và ngày 29/8/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C đã nộp số tiền trên vào Kho bạc nhà nước, ngày 18/01/2024 Cơ quan điều tra uỷ nhiệm chi và chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 110/2025/HS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau) đã tuyên:

1. Căn cứ điểm c, đ khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 298 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Trần Ý D, Huỳnh Minh C và Nguyễn Thị K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Căn cứ điểm c, đ khoản 2 Điều 174, điểm b, s, n khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Ý D 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù kể từ ngày bị cáo Trần Ý D chấp hành án.

3. Căn cứ điểm c, đ khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Huỳnh Minh C 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù kể từ ngày bị cáo Huỳnh Minh C chấp hành án.

4. Căn cứ điểm c, đ khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị K 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù kể từ ngày bị cáo Nguyễn Thị K chấp hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, tuyên về án phí, quyền kháng cáo của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/7/2025, bị cáo Huỳnh Minh C kháng cáo yêu cầu áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ; ngày 04/7/2025, bị cáo Trần Ý D kháng cáo xin giảm án và xin hưởng án treo; ngày 04/7/2025, bị cáo Nguyễn Thị K kháng cáo yêu cầu xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo đúng thể thức và nộp trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp. Về nội dung: Sau khi phân tích hành vi phạm tội của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm số 110/2025/HS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau), giảm hình phạt cho các bị cáo D và C từ 03 tháng đến 06 tháng tù, giảm hình phạt cho bị cáo K từ

06 tháng đến 09 tháng; không áp dụng tình tiết tăng nặng định khung theo điểm đ khoản 2 Điều 174 BLHS đối với bị cáo C và bị cáo K.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Ý D trình bày lời bào chữa và đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo D, sửa bản án sơ thẩm giảm hình phạt và cho bị cáo D hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo đúng về thể thức và thời hạn theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy, lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng về thời gian, địa điểm, cách thức các bị cáo thực hiện hành vi; đồng thời, các lời khai của các bị cáo và bị hại đều phù hợp với các chứng cứ khác đã được thu thập trong giai đoạn điều tra và đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Từ ngày 23/6/2020 đến ngày 24/9/2020, bị cáo Trần Ý D là nhân viên Công ty cổ phần S (sau đây gọi tắt là Công ty) được giao nhiệm vụ đại diện theo văn bản ủy quyền của Công ty có quyền sử dụng con dấu của Công ty, được ký hợp đồng cầm cố tài sản với khách hàng theo quy định của Công ty. Bị cáo D đã có hành vi lợi dụng quyền hạn này của bị cáo để cấu kết cùng với Huỳnh Minh C dùng thủ đoạn gian dối bằng cách tìm khách hàng có nợ xấu ngân hàng có nhu cầu vay tiền, D cho khách hàng ký vào hợp đồng cầm cố xe máy còn để trống các chi tiết của xe cầm cố, ngày giao kết hợp đồng. Sau khi khách hàng ký hợp đồng xong, các bị cáo D và C dùng giấy tờ cá nhân của khách hàng để đăng ký xe máy, do các bị cáo mua bằng tiền cá nhân của các bị cáo. Sau khi có xe đăng ký tên khách hàng, các bị cáo gian dối dùng xe và giấy chứng nhận xe này cho khách hàng hoàn tất thủ tục cầm cố, ghi thông tin xe vào hợp đồng, giống như khách hàng có xe mang đi cầm cố. Sau khi điền các thông tin hoàn tất hợp đồng, D dùng hợp đồng cầm cố này báo cáo về người có thẩm quyền của Công ty. Sau khi được Công ty thống nhất ký kết hợp đồng cầm cố và giải ngân hợp đồng cầm cố gửi vào tài khoản của chi nhánh công ty do D quản lý thì D chiếm giữ toàn bộ số tiền này. D thông báo cho C biết, để C liên hệ bán xe cho người khác. Khi đó C sẽ liên hệ với K, để K bán xe, C đưa cho khách hàng số tiền khách vay được như đã thỏa thuận từ trước, số tiền còn lại C và K chia nhau tiêu xài cá nhân. Như vậy, bị cáo D đã lợi dụng chức vụ quyền hạn, để thực hiện hành vi gian dối, nhằm chiếm đoạt tài sản của Công ty, các bị cáo thực hiện 08 lần với tổng số tiền chiếm đoạt là 62.120.000đ. Bị cáo K hoàn toàn biết hành vi C thực hiện như trên, nhưng K vẫn giúp sức cho C, K đi mua xe, bán xe khi C yêu cầu để hưởng lợi, do đó K với vai trò giúp sức tích cực cho C và D. Ngoài ra, ngày 24/9/2020 khi D không còn là nhân viên Công ty, khi được bà Nhi liên hệ vay

tiền, với thủ đoạn như các lần trước, bị cáo D dùng xe bị cáo mua đăng ký tên bà Nhi và đưa xe cho bà Nhi để vào Công ty cầm cố xe cho Công ty với số tiền 15.7000.000đ, sau khi công ty giải ngân 14.675.000đ, D lấy toàn bộ, rồi mới đưa lại bà N 7.000.000đ. Sau đó D bán xe với giá 12.000.000đ cho người khác (tên Đ) chưa xác định được tên họ địa chỉ đầy đủ. để chiếm đoạt tiền 8.765.000đ của Công ty gây thiệt hại cho Công ty số tiền 15.700.000đ.

[3] Hành vi của các bị cáo Huỳnh Minh C, Nguyễn Thị K và Trần Ý D là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác trái pháp luật. Các bị cáo nhận thức và biết rõ chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và bị pháp luật xử lý nhưng vì vụ lợi cho bản thân nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Trần Ý D, Huỳnh Minh C và Nguyễn Thị K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 174 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Ý D xin giảm án và xin hưởng án treo: Xét thấy, cấp sơ thẩm nhận định bị cáo D dù còn trình bày lời khai quanh co, nhưng đều thừa nhận các hành vi của bị cáo và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “khắc phục một phần hậu quả”, “người phạm tội là phụ nữ có thai” quy định tại điểm b, s, n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo D là đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ theo quy định pháp luật, cấp sơ thẩm đánh giá vai trò phạm tội của bị cáo D và quyết định mức hình phạt tương xứng với mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo D cung cấp thêm chứng cứ là đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền thiệt hại còn lại án sơ thẩm đã tuyên buộc các bị cáo phải bồi thường là 29.332.000đ (*Hai mươi chín triệu ba trăm ba mươi hai ngàn đồng*). Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo D. Bị cáo D còn kháng cáo xin hưởng án treo, tuy nhiên, bị cáo phạm tội nhiều lần nên không đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định pháp luật, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo D.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo Huỳnh Minh C kháng cáo yêu cầu áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ: Xét thấy, tuy bị cáo D giữ vai trò chính trong vụ án nhưng bị cáo C có vai trò giúp sức tích cực cho D và là người liên hệ bị cáo K để bán các chiếc xe là tài sản thế chấp nên vai trò quan trọng sau bị cáo D. Bị cáo C phạm tội nhiều lần, hành vi phạm tội nguy hiểm cho xã hội, cấp sơ thẩm cũng đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo C “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “khắc phục một phần hậu quả” theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và phân hóa vai trò phạm tội để có mức hình phạt tương xứng. Tuy nhiên, việc cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng định khung “lợi dụng chức vụ, quyền hạn” theo điểm đ khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo C là chưa phù hợp, nên có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo C giảm một phần hình phạt đối với bị cáo C là phù hợp.

[6] Xét kháng cáo của bị cáo K kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo: Xét thấy, bị cáo K phạm tội nhiều lần nên không đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, việc cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng định khung “lợi dụng chức vụ, quyền hạn” theo điểm đ khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo K là chưa phù hợp, cần sửa án sơ thẩm, không áp dụng tình tiết tăng nặng “lợi dụng chức vụ, quyền hạn” theo điểm đ khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo K. Tại cấp phúc thẩm bị cáo K cung cấp thêm các giấy khen vì đã có đóng góp cho xã hội, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo K, giảm một phần hình phạt cho bị cáo K là có căn cứ.

[7] Xét ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Trần Ý D: Như đã nhận định, có căn cứ chấp nhận một phần ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo D, giảm một phần hình phạt cho bị cáo, không chấp nhận đề nghị cho bị cáo hưởng án treo.

[8] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm giảm hình phạt cho các bị cáo D và C từ 03 tháng đến 06 tháng tù, giảm hình phạt cho bị cáo K từ 06 tháng đến 09 tháng; không áp dụng tình tiết tăng nặng định khung theo điểm đ khoản 2 Điều 174 BLHS đối với bị cáo C và bị cáo K là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Các bị cáo kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 110/2025/HS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau) không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Minh C, Nguyễn Thị K và Trần Ý D; Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 110/2025/HS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau).

Tuyên xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Ý D, Huỳnh Minh C và Nguyễn Thị K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Căn cứ điểm c, đ khoản 2 Điều 174, điểm b, s, n khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Ý D 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù kể từ ngày bị cáo Trần Ý D bị bắt đi chấp hành án.

3. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Huỳnh Minh C 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù kể từ ngày bị cáo Huỳnh Minh C bị bắt đi chấp hành án.

4. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị K 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù kể từ ngày bị cáo Nguyễn Thị K bị bắt đi chấp hành án.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Các bị cáo Huỳnh Minh C, Nguyễn Thị K và Trần Ý D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 110/2025/HS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau) không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Công an phường A;
- VKSND khu vực 1 – Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 1 – Cà Mau;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HS; án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Châu Minh Nguyệt